

CÁO TỔ – LỄ TỔ – LỄ GIA TIÊN

Ý nghĩa của ba cách gọi trong phong tục Việt Nam và việc thực hành đạo hiếu của người Công giáo

Michel Nguyễn Hạnh

Phó Trưởng Ban Từ Vực Hán Nôm Công Giáo

Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –

Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong đời sống gia đình Việt Nam, nhất là khi có những việc hệ trọng như dựng vợ gả chồng, người ta thường nói đến việc cáo tổ, lễ tổ hoặc làm lễ gia tiên. Những cách gọi ấy đã trở nên quen thuộc trong phong tục cưới hỏi, nhưng không phải ai cũng hiểu rõ ý nghĩa của từng chữ, càng không phải lúc nào người sử dụng cũng phân biệt được đâu là hành vi trình báo với tổ tiên, đâu là nghi thức bày tỏ lòng hiếu kính và đâu là những yếu tố tín ngưỡng được đưa vào phong tục qua quá trình lịch sử.

Đối với người Công giáo Việt Nam, vấn đề còn đặt ra một câu hỏi khác: Khi cô dâu, chú rể thắp hương, cúi đầu hoặc vái lạy trước bàn thờ gia tiên, họ đang thực hành đạo hiếu hay đang thực hiện một hành vi thờ phượng mang tính tôn giáo? Nếu trong một gia đình có người Công giáo và người ngoài Công giáo, nghi thức ấy phải được hiểu và cử hành thế nào để vừa bảo tồn truyền thống dân tộc, vừa không làm sai lệch đức tin?

Những câu hỏi này cần được giải đáp từ hai phương diện có liên hệ mật thiết với nhau: văn hóa truyền thống Việt Nam và giáo huấn của Giáo hội Công giáo.

Ngày 7 tháng 10 năm 2025, tại Đà Lạt, Ủy ban Văn hóa và Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam đã công bố *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*. Văn kiện tiếp nối tiến trình hội nhập văn hóa của Giáo hội tại Việt Nam, đồng thời đặc biệt quan tâm đến những hoàn cảnh thực tế của các đôi hôn phối khác đạo và các gia đình liên tôn.

Từ định hướng của Văn kiện, bài viết này tìm hiểu ba cách gọi **CÁO TỔ**

– **LỄ TỔ – LỄ GIA TIÊN**, nhằm phân biệt ý nghĩa từ ngữ, nhận diện những giá trị truyền thống và làm sáng tỏ cách người Công giáo có thể thực hành lòng hiếu kính tổ tiên mà vẫn trung thành với đức tin của mình.

I. CÁO TỔ – TRÌNH BÁO VỚI TỔ TIÊN

1. Ý nghĩa của hai chữ CÁO TỔ

CÁO TỔ 告祖 là một tổ hợp Hán Việt, trong đó **CÁO** 告 có nghĩa là báo cho biết, trình báo, thưa trình hoặc kính cáo; **TỔ** 祖 chỉ tổ tiên, những người thuộc các thế hệ đi trước trong gia đình, dòng họ. Theo nghĩa thông thường, cáo tổ là việc con cháu thực hiện một nghi thức trang trọng nhằm trình báo với tổ tiên những sự kiện quan trọng của gia đình.

Trong quan niệm truyền thống của người Việt Nam, 告祖 được dùng để chỉ việc kính cáo tổ tiên. Những cách gọi như 告祖儀 (cáo tổ nghi), 告祖禮 (cáo tổ lễ) nhấn mạnh tính chất nghi lễ của hành vi này. Riêng 告廟 (cáo miếu) có nghĩa là trình cáo tại miếu, trong một số ngữ cảnh là tông miếu thờ tổ tiên. Vì vậy, tuy có quan hệ gần gũi về ý nghĩa, cáo tổ và cáo miếu không nên được xem là những thuật ngữ hoàn toàn đồng nghĩa trong mọi hoàn cảnh lịch sử.

Điểm đáng chú ý nằm ở chữ **CÁO** 告. Trong nghi thức cáo tổ, con cháu không chỉ tưởng nhớ người đã khuất mà còn trình báo những biến cố quan trọng như hôn nhân, sinh con, dựng nhà hoặc những sự kiện liên quan đến gia đình và dòng họ. Việc trình báo ấy diễn tả ý thức rằng đời sống của mỗi thành viên không tách rời nguồn cội, và những biến cố của thế hệ hiện tại vẫn được đặt trong mối liên hệ với các thế hệ đi trước.

Tuy nhiên, cần phân biệt hành vi trình báo mang ý nghĩa văn hóa và đạo hiếu với những quan niệm tín ngưỡng có thể đi kèm trong từng nghi thức cụ thể. Bản thân hai chữ **CÁO TỔ** 告祖 chưa đủ để kết luận người thực hiện tin rằng tổ tiên có quyền năng thần linh, quyết định vận mệnh hoặc ban phúc giáng họa cho con cháu. Muốn xác định ý nghĩa của nghi thức, cần xem xét nội dung lời cáo, lễ vật, cách thực hành và niềm tin

của cộng đồng thực hiện.

Trong bối cảnh Công giáo, nghi thức cáo tổ có thể được tiếp nhận như một hình thức tưởng nhớ, biết ơn và trình báo với tổ tiên những sự kiện quan trọng của gia đình, miễn là không gán cho tổ tiên quyền năng chỉ thuộc về Thiên Chúa. Như vậy, **CÁO TỔ** nhấn mạnh hành vi kính cáo, trình báo, còn **LỄ GIA TIÊN** là cách gọi có phạm vi rộng hơn, bao gồm những nghi thức bày tỏ lòng hiếu kính đối với tổ tiên trong đời sống gia đình.

2. Cáo tổ trong phong tục cưới hỏi

Trong hôn lễ truyền thống, cáo tổ có ý nghĩa đặc biệt vì hôn nhân không chỉ là việc kết hợp giữa hai cá nhân, mà còn liên quan đến sự tiếp nối của gia đình và mối quan hệ giữa hai dòng họ. Khi người con trai lập gia đình hoặc người con gái chuẩn bị về nhà chồng, việc kính cáo tổ tiên biểu thị rằng một biến cố hệ trọng đang diễn ra trong đời sống gia đình.

Tại nhà gái, việc cáo tổ có thể được thực hiện trước khi cô dâu rời gia đình để bước vào cuộc sống hôn nhân. Tại nhà trai, đôi tân hôn có thể cùng kính cáo trước bàn thờ tổ tiên để đánh dấu sự hình thành một gia đình mới. Những nghi thức ấy không nhất thiết có cùng trình tự ở mọi miền, nhưng đều có thể diễn tả ý thức về nguồn cội và trách nhiệm của thế hệ tiếp nối.

Xét trong phạm vi đạo hiếu, việc cáo tổ không phải là hành vi xin phép tổ tiên theo nghĩa tổ tiên có quyền quyết định hôn nhân của con cháu, mà là một hình thức thưa trình và tưởng nhớ. Khi đôi tân hôn đứng trước bàn thờ gia tiên, họ nhận thức rằng cuộc sống mới của mình được xây dựng trên nền tảng gia đình, nơi những thế hệ trước đã trao truyền sự sống, gia phong và những giá trị đạo đức.

Tuy nhiên, cũng cần thừa nhận rằng trong một số tập tục, việc cáo tổ có thể đi kèm những quan niệm về sự chứng giám, phù hộ hoặc can thiệp của người đã khuất. Những yếu tố ấy thuộc phạm vi tín ngưỡng cụ thể và cần được phân biệt với ý nghĩa văn hóa đạo hiếu của hành vi trình báo.

3. Cáo tổ dưới ánh sáng đức tin Công giáo

Đối với người Công giáo, việc kính cáo tổ tiên có thể được hiểu như một biểu hiện của lòng thảo kính đối với các bậc sinh thành và những người đã qua đời. Điều răn thứ tư dạy con người phải thảo kính cha mẹ, và bốn phận ấy không chấm dứt khi cha mẹ hoặc ông bà qua đời, nhưng tiếp tục được biểu lộ qua việc tưởng nhớ, cầu nguyện và sống xứng đáng với những gì mình đã lãnh nhận.

Tại số 3, Văn kiện năm 2025 đặt việc hội nhập văn hóa đạo hiếu trên nền tảng điều răn thứ tư và mầu nhiệm Các Thánh Thông Công. Theo đó, sự hiệp thông giữa những người đang sống và những người đã qua đời không bị cắt đứt bởi cái chết, nhưng được nhìn nhận trong mối liên hệ thiêng liêng của gia đình Thiên Chúa.

Vì vậy, khi đôi tân hôn Công giáo đến trước bàn thờ gia tiên để kính cáo việc hôn nhân, họ có thể bày tỏ lòng biết ơn đối với tổ tiên, cầu nguyện cho những người đã qua đời và cảm tạ Thiên Chúa vì hồng ân sự sống được trao truyền qua các thế hệ. Trong cách thực hành ấy, tổ tiên là những người được tưởng nhớ và hiếu kính, còn Thiên Chúa là Đấng được cầu xin và thờ phượng.

Trong *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 2199, điều răn thứ tư không chỉ được trình bày như bốn phận của con cái đối với cha mẹ, mà còn bao hàm sự kính trọng, yêu mến và biết ơn đối với những người cao niên và tổ tiên. Các số 2214–2215 tiếp tục xác định rằng lòng hiếu kính bắt nguồn từ mối tương quan giữa cha mẹ và con cái, đặc biệt từ lòng biết ơn đối với những người đã trao ban sự sống, nuôi dưỡng và giáo dục mình. Như vậy, việc tưởng nhớ tổ tiên trong đời sống Công giáo có thể được đặt trong sự tiếp nối của bốn phận hiếu thảo, chứ không nhất thiết là một hành vi thờ phượng mang tính thần linh.

Đối chiếu với truyền thống Nho gia, *Hiếu kinh* (孝經), thiên *Kỷ hiếu hành* (紀孝行), chương 10, viết: “孝子之事親也，居則致其敬，養則致其樂，病則致其憂，喪則致其哀，祭則致其嚴” (*Hiếu tử chi sự thân dã, cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm*), nghĩa là người con có hiếu phải hết lòng

kính trọng, phụng dưỡng và chăm sóc cha mẹ khi còn sống, thương tiếc khi cha mẹ qua đời và giữ thái độ trang nghiêm khi thực hiện việc tế tự. Lời dạy ấy cho thấy lòng hiếu kính được thể hiện xuyên suốt đời sống gia đình, từ việc phụng dưỡng cha mẹ đến những nghi thức tưởng niệm sau khi các ngài qua đời. Tuy nhiên, đây là sự tương đồng về đạo lý, không phải căn cứ để đồng nhất mọi quan niệm tế tự của Nho gia với giáo huấn Công giáo.

Như thế, cáo tổ, khi mang ý nghĩa trình báo và hiếu kính, không tự nó đồng nghĩa với hành vi thờ phượng tổ tiên như thần linh. Sự phân biệt này đặc biệt cần thiết trong những gia đình liên tôn, nơi cùng một cử chỉ có thể được những người tham dự hiểu theo những ý nghĩa khác nhau.

II. LỄ TỔ – NGHI LỄ TÔN KÍNH TỔ TIÊN

1. Ý nghĩa của hai chữ LỄ TỔ

LỄ TỔ có thể được giải thích từ hai chữ Hán 禮祖, trong đó LỄ 禮 chỉ lễ nghi, phép tắc và những hình thức biểu thị sự kính trọng; TỔ 祖 chỉ tổ tiên, những người thuộc các thế hệ đi trước. Theo nghĩa thông thường, lễ tổ là nghi lễ được thực hiện nhằm bày tỏ lòng tôn kính đối với tổ tiên.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa việc giải thích ý nghĩa của hai thành tố Hán Việt với việc xác định lịch sử và phạm vi sử dụng của một thuật ngữ. Cách gọi LỄ TỔ đã xuất hiện trong *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông Bà Tổ Tiên* năm 1974, tại quy định cho phép đôi tân hôn thực hiện “Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên” trước bàn thờ hoặc giường thờ tổ tiên. Vì vậy, không nên xem đây chỉ là một cách gọi được suy diễn từ hai chữ Hán. Tuy nhiên, để xác định thuật ngữ này đã xuất hiện từ bao giờ, phổ biến tại những địa phương nào và có quan hệ ra sao với các nghi thức gia lễ truyền thống, vẫn cần khảo chứng thêm qua thư tịch, từ điển và những ghi chép về phong tục. Trong *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2025, cách gọi lễ gia tiên được sử dụng nổi bật hơn trong phần hướng dẫn thực hành.

Đặc biệt, cần lưu ý rằng LỄ TỔ 禮祖 không phải là một thuật ngữ chỉ có một đối tượng và một phạm vi sử dụng duy nhất. Trong truyền thống

Phật giáo, lễ tổ còn được dùng để chỉ nghi thức kính lễ, tưởng niệm và tri ân các vị Tổ sư, những bậc khai sáng hoặc truyền thừa đạo pháp. Trong bối cảnh ấy, chữ **LỄ** 禮 mang nghĩa kính lễ, hành lễ theo nghi thức; còn chữ **TỔ** 祖 chủ yếu chỉ các vị Tổ sư và những bậc tiền bối trong truyền thống tu hành. Tùy nghi thức cụ thể, việc lễ tổ có thể gắn với sự tôn kính chư Phật, chư Bồ Tát và các bậc khai sơn lập tự. Như vậy, tuy cùng viết là 禮祖, nhưng chữ **TỔ** 祖 có đối tượng quy chiếu khác nhau: trong gia lễ là tổ tiên của gia đình, dòng họ; trong nghi lễ Phật giáo là các bậc Tổ sư thuộc dòng truyền thừa đạo pháp. Đây là sự khác biệt về đối tượng và ngữ cảnh sử dụng, chứ không phải hai từ đồng âm khác chữ Hán.

Trong văn hóa truyền thống, chữ **LỄ** 禮 cũng không chỉ giới hạn ở những hoạt động tế tự mang tính tôn giáo, mà còn bao hàm các quy tắc và nghi thức ứng xử trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Những cách gọi như lễ cưới, lễ mừng thọ, lễ ra mắt, lễ tang cho thấy chữ **LỄ** có thể được sử dụng để diễn tả những hành vi trang trọng, phù hợp với từng mối quan hệ giữa con người với nhau. Vì vậy, không thể chỉ căn cứ vào chữ **LỄ** để kết luận một nghi thức nhất thiết mang tính thờ phượng thần linh.

Đối với nghi lễ tôn kính tổ tiên trong gia đình Việt Nam, **LỄ TỔ** trước hết cần được đặt trong phạm vi đạo hiếu, tức mối tương quan ân nghĩa giữa các thế hệ. Con cháu thực hiện lễ tổ để tưởng nhớ nguồn cội, bày tỏ lòng biết ơn đối với công đức sinh thành dưỡng dục và trình báo những sự kiện quan trọng của gia đình với tổ tiên. Tuy nhiên, bản thân tên gọi **LỄ TỔ** chưa đủ để xác định toàn bộ ý nghĩa của một nghi thức cụ thể. Muốn phân biệt nghi lễ ấy thuộc phạm vi hiếu kính, tưởng niệm hay mang nội dung tín ngưỡng tôn giáo, cần xem xét đối tượng được tôn kính, nội dung lời khấn, ý hướng của người thực hiện và ý nghĩa được gán cho các hành vi nghi lễ.

Chính từ sự phân biệt này, có thể hiểu vì sao Quyết nghị năm 1974 chấp nhận Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên trong hôn lễ Công giáo như những nghi thức biểu lộ lòng biết ơn, hiếu kính và trình diện với ông bà tổ tiên, mà không đồng nhất các nghi thức ấy với việc thờ phượng tổ tiên như thần linh.

Như vậy, cùng một cách viết **LỄ TỔ** 禮祖 có thể được sử dụng trong những truyền thống nghi lễ khác nhau. Muốn hiểu đúng thuật ngữ,

không thể chỉ giải nghĩa từng chữ mà phải đặt nó trong bối cảnh văn hóa, đối tượng tôn kính và mục đích thực hành.

2. Từ hành vi cáo tổ đến nghi thức lễ tổ

Giữa cáo tổ và lễ tổ có một sự khác biệt đáng chú ý về phương diện ngôn ngữ. Cáo tổ nhấn mạnh đến hành vi trình báo, trong khi lễ tổ nhấn mạnh đến hình thức nghi lễ. Một việc cáo tổ có thể được thực hiện bằng những cử chỉ đơn sơ, nhưng cũng có thể trở thành một nghi thức trang trọng với những quy định về người chủ lễ, lễ vật, trình tự kính lễ và lời thưa trình.

Trong phong tục gia đình Việt Nam, những nghi lễ liên quan đến tổ tiên không chỉ nhằm nhắc nhở người đã khuất, mà còn có chức năng giáo dục các thế hệ đang sống. Khi con cháu cùng quy tụ trước bàn thờ gia tiên, nghi thức ấy nhắc nhở mọi người về mối liên hệ huyết thống, gia phong và trách nhiệm gìn giữ những giá trị được trao truyền.

Vì vậy, xét trong phạm vi đạo hiếu, lễ tổ có thể được hiểu như một hình thức biểu hiện công khai và trang trọng của lòng tôn kính tổ tiên. Giá trị của nghi lễ không chỉ nằm ở những cử chỉ bên ngoài, mà còn ở ý thức của người tham dự về công đức sinh thành, bốn phận làm con và trách nhiệm đối với gia đình.

Tuy nhiên, không thể từ cách giải thích này mà đồng nhất mọi nghi thức mang tên lễ tổ với một nghi lễ thuần túy dân sự. Trong thực tế, có những hình thức tế tổ hoặc cúng tổ gắn với tín ngưỡng dòng họ, có nội dung và quan niệm tôn giáo riêng. Những trường hợp ấy cần được nghiên cứu trong bối cảnh cụ thể, thay vì chỉ căn cứ vào tên gọi.

Trong *Hiếu kinh*, thiên *Tang thân* (喪親), chương 18, có câu: “春秋祭祀，以時思之” (*Xuân thu tế tự, dĩ thời tư chi*), nghĩa là vào mùa xuân và mùa thu thực hiện việc tế tự, theo thời tiết mà tưởng nhớ người đã khuất. Câu văn cho thấy trong truyền thống Nho gia, việc tưởng nhớ cha mẹ và tổ tiên được duy trì qua những nghi lễ có tính định kỳ. Đáng chú ý, chữ *tư* (思) mang nghĩa nhớ, nghĩ đến, tưởng nhớ, giúp nhận diện chiều kích ký ức và tình cảm trong việc thực hành đạo hiếu.

Đặt trong bối cảnh phong tục Việt Nam, lễ tổ cũng có thể mang chức

năng duy trì kỷ ước gia đình và giáo dục con cháu về nguồn cội. Khi các thế hệ cùng quy tụ trong một nghi thức kính nhớ tổ tiên, việc tưởng niệm không chỉ hướng về những người đã qua đời, mà còn nhắc nhở những người đang sống về trách nhiệm gìn giữ gia phong và tiếp nối những giá trị đạo đức được trao truyền. Tuy nhiên, không nên từ sự tương đồng ấy mà kết luận lễ tổ trong phong tục cưới hỏi Việt Nam trực tiếp bắt nguồn từ nghi thức xuân thu tế tự được đề cập trong *Hiếu kinh*.

3. Lễ tổ và việc phân định theo đức tin Công giáo

Tại số 14, Văn kiện năm 2025 nêu một nguyên tắc quan trọng: người Công giáo có thể chủ động thực hiện những cử chỉ, thái độ và nghi lễ mang ý nghĩa thuần túy văn hóa đạo hiếu, nhằm bày tỏ lòng tưởng nhớ, biết ơn và tôn kính đối với tổ tiên cùng những người có công đối với gia đình, dân tộc và nhân loại.

Ngược lại, người Công giáo không thể chủ động tổ chức hoặc tham dự những nghi lễ biểu thị sự lệ thuộc và thần phục đối với một thụ tạo như thể đang thờ phượng Thiên Chúa. Đối với những hoàn cảnh mơ hồ giữa văn hóa và tín ngưỡng, Văn kiện hướng dẫn người tín hữu phân định cách khôn ngoan, với lương tâm ngay thẳng và lòng bác ái.

Từ nguyên tắc ấy, có thể nhận thấy Giáo hội không đánh giá một nghi lễ chỉ bằng tên gọi hoặc hình thức bên ngoài. Một nghi thức lễ tổ mang ý nghĩa tưởng nhớ, biết ơn và hiếu kính cần được phân biệt với những hành vi có nội dung thờ phượng thần linh.

Sự phân biệt này không nhằm phủ nhận truyền thống văn hóa của dân tộc, nhưng giúp người Công giáo nhận diện và gìn giữ những giá trị đạo hiếu chân chính, đồng thời tránh những thực hành không tương hợp với đức tin.

III. LỄ GIA TIÊN – ĐẠO HIẾU TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

1. Ý nghĩa của hai chữ GIA TIÊN

GIA TIÊN 家先 là một tổ hợp Hán Việt, trong đó **GIA** 家 có nghĩa là nhà, gia đình hoặc dòng họ; **TIÊN** 先 có nghĩa là trước, người đi trước hoặc

những bậc tiền nhân. Ghép lại, **GIA TIÊN** chỉ những người thuộc các thế hệ trước trong gia đình, đặc biệt là ông bà, cha mẹ và tổ tiên đã qua đời.

Trong phạm vi văn hóa chữ Hán và tín ngưỡng dân gian, 家先 còn được dùng để chỉ những bậc tổ tiên hoặc thân nhân quá cố được con cháu tưởng nhớ, phụng thờ qua nhiều thế hệ. Vì vậy, chữ **TIÊN** 先 trong trường hợp này không chỉ biểu thị sự đi trước về thời gian, mà còn xác định mối quan hệ giữa những người đang sống với các thế hệ đã tạo lập và trao truyền sự sống của gia đình.

Cần phân biệt **GIA TIÊN** 家先 với **TỔ TIÊN** 祖先. Trong đó, **TỔ** 祖 nhấn mạnh những bậc thuộc nguồn gốc huyết thống, những thế hệ khai sinh hoặc tiếp nối dòng họ; còn **GIA** 家 nhấn mạnh phạm vi gia đình. Bởi vậy, **TỔ TIÊN** có thể được dùng với nghĩa rộng hơn để chỉ nguồn cội của một dòng họ, cộng đồng hoặc dân tộc, trong khi **GIA TIÊN** thường hướng đến những người đi trước trong phạm vi gia đình và dòng tộc. Tuy nhiên, trong thực tế ngôn ngữ và phong tục Việt Nam, hai từ này thường được sử dụng với ý nghĩa gần nhau.

Điều đáng chú ý là **GIA TIÊN** trước hết là một danh từ chỉ những người được tưởng nhớ, chứ bản thân từ này chưa xác định hình thức nghi lễ hoặc niềm tin tôn giáo của người tưởng nhớ. Vì vậy, những cách gọi như **BÀN THỜ GIA TIÊN**, **LỄ GIA TIÊN**, **CÁO GIA TIÊN** phải được giải thích thêm từ các thành tố **BÀN THỜ**, **LỄ**, **CÁO** và từ bối cảnh thực hành cụ thể.

Trong truyền thống gia đình Việt Nam, việc tưởng nhớ gia tiên biểu thị ý thức về nguồn cội và mối tương quan ân nghĩa giữa các thế hệ. Những người đang sống nhận lãnh sự sống, công đức sinh thành dưỡng dục và gia sản tinh thần từ những người đi trước; từ đó phát sinh bốn phận biết ơn, hiếu kính và gìn giữ những giá trị được trao truyền.

Đối với người Công giáo, **GIA TIÊN** vẫn mang ý nghĩa chỉ ông bà, cha mẹ và những người thuộc các thế hệ trước trong gia đình, đặc biệt là những người đã qua đời. Việc kính nhớ gia tiên được đặt trong phạm vi đạo hiếu và tình hiệp thông, không đồng nghĩa với việc thờ phượng tổ tiên như thần linh. Bởi vậy, *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* khuyến khích mỗi gia đình Công giáo lập bàn thờ gia tiên đơn sơ

để tưởng nhớ người đã khuất, đồng thời nhấn mạnh giá trị của lời cầu nguyện, việc hy sinh và những việc lành phúc đức dành cho họ.

2. Lễ gia tiên trong hôn lễ truyền thống

Trong quan niệm truyền thống của người Việt Nam, hôn nhân không chỉ là việc kết hợp giữa hai người nam nữ, mà còn là sự gắn kết giữa hai gia đình. Bởi vậy, những nghi thức cưới hỏi thường có sự tham dự của cha mẹ, họ hàng và những người đại diện cho hai bên gia đình.

Lễ gia tiên được đặt trong mối liên hệ ấy. Khi đôi tân hôn đến trước bàn thờ tổ tiên, họ không chỉ đánh dấu một biến cố quan trọng của đời mình, mà còn bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đã góp phần tạo dựng gia đình và trao truyền sự sống qua các thế hệ.

Tại nhà gái, nghi thức có thể diễn tả lòng biết ơn của người con đối với gia đình trước khi bước vào đời sống hôn nhân. Tại nhà trai, nghi thức có thể biểu thị việc đôi tân hôn cùng nhận lãnh trách nhiệm xây dựng một gia đình mới trong sự tiếp nối của dòng họ. Tùy phong tục địa phương, lễ gia tiên còn gắn với việc đôi tân hôn kính lễ cha mẹ và đón nhận những lời chúc phúc, căn dặn của các bậc sinh thành.

Như vậy, lễ gia tiên có thể mang đồng thời nhiều ý nghĩa: tưởng nhớ tổ tiên, bày tỏ lòng hiếu kính với cha mẹ, xác nhận sự gắn kết giữa hai gia đình và nhắc nhở đôi tân hôn về trách nhiệm đối với đời sống hôn nhân.

Nền tảng đạo hiếu của nghi thức này có thể được soi sáng thêm từ *Hiếu kinh*, thiên *Tang thân*, với lời dạy: “生事愛敬，死事哀戚，生民之本盡矣，死生之義備矣，孝子之事親終矣” (*Sinh sự ái kính, tử sự ai thích, sinh dân chi bản tận hĩ, tử sinh chi nghĩa bị hĩ, hiếu tử chi sự thân chung hĩ*), nghĩa là khi cha mẹ còn sống thì phụng sự bằng lòng yêu thương và kính trọng, khi cha mẹ qua đời thì phụng sự bằng lòng thương tiếc; như thế là chu toàn đạo lý đối với sự sống và cái chết, hoàn tất bốn phận của người con có hiếu.

Từ góc nhìn ấy, việc đôi tân hôn kính nhớ tổ tiên trong ngày thành hôn có thể được hiểu như một sự tiếp nối của đạo hiếu. Họ không chỉ hướng về những người đã khuất, mà còn nhận thức rằng gia đình mới của mình được hình thành từ công lao sinh thành, dưỡng dục và những hy

sinh của nhiều thế hệ. Tuy nhiên, Hiếu kinh không trực tiếp quy định nghi thức lễ gia tiên trong hôn lễ, nên lời dạy trên chỉ giúp làm sáng tỏ nền tảng đạo đức của việc tưởng nhớ tổ tiên, chứ không chứng minh nguồn gốc lịch sử của nghi thức cưới hỏi Việt Nam.

3. Lễ gia tiên trong Văn kiện năm 2025

Tại số 15, *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* xác định:

“Lễ gia tiên là một cách thể hiện đạo hiếu và tình hiệp thông với người đã khuất.”

Đây là một xác định quan trọng, bởi Văn kiện đặt lễ gia tiên trong phạm vi đạo hiếu và tình hiệp thông, chứ không mặc nhiên đồng nhất nghi lễ ấy với hành vi thờ phượng tổ tiên như thần linh.

Nguyên tắc phân định ấy còn được soi sáng bởi *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*. Các số 2096–2097 giải thích rằng việc thờ phượng là hành vi nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, là Chúa và là Đấng ban phát mọi sự. Trong khi đó, các số 2112–2114 cảnh giác con người không được thần thánh hóa những thụ tạo hoặc dành cho chúng sự tôn thờ thuộc riêng về Thiên Chúa. Vì vậy, việc kính lễ tổ tiên phải được phân biệt với hành vi thần phục một quyền năng siêu nhiên được gán cho tổ tiên.

Theo đó, một nghi thức lễ tổ nhằm tưởng nhớ công đức tiền nhân, bày tỏ lòng biết ơn và tiếp nối truyền thống gia đình có thể thuộc phạm vi đạo hiếu. Nhưng nếu nghi thức ấy đi kèm những lời khấn hoặc hành vi đặt tổ tiên vào địa vị thần linh, có quyền năng độc lập quyết định vận mệnh, ban phúc hoặc giáng họa, thì nội dung tín ngưỡng đã vượt ra ngoài ý nghĩa tưởng niệm và cần được phân định theo đức tin Công giáo. Chính nội dung và đối tượng của hành vi kính lễ, chứ không chỉ tên gọi hoặc hình thức bên ngoài, mới là những yếu tố cần được xem xét.

Cũng tại số 15, Văn kiện ghi nhận việc người Công giáo tưởng nhớ gia tiên bằng những cử chỉ như thắp hương, vái lạy trước bàn thờ gia tiên, đồng thời khuyến khích các gia đình Công giáo lập bàn thờ gia tiên đơn sơ, trang nghiêm, có thể đặt di ảnh người đã khuất cùng hương, hoa, đèn nến và bánh trái.

Tuy nhiên, Văn kiện cũng nhắc nhở rằng theo đức tin Công giáo, người

quá cố cần đến lời cầu nguyện và những việc lành phúc đức của con cháu hơn là những thức ăn vật chất mà họ không thể hưởng dùng.

Giáo huấn ấy phù hợp với *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 958, khi trình bày mối hiệp thông giữa những người đang sống và những người đã qua đời, đồng thời khẳng định giá trị của việc cầu nguyện cho người quá cố. Số 1032 cũng nhắc lại truyền thống lâu đời của Hội Thánh trong việc tưởng nhớ và cầu nguyện cho những người đã qua đời, đặc biệt qua việc dâng hy tế Thánh Thể. Như vậy, trong đời sống Công giáo, việc kính nhớ tổ tiên không chỉ được biểu lộ qua những cử chỉ văn hóa, mà còn được thực hiện bằng lời cầu nguyện và những hành động bác ái.

Điều này giúp xác định đúng vị trí của những lễ vật được sử dụng trong lễ gia tiên. Hương, hoa, đèn nến và bánh trái có thể diễn tả lòng thành kính, sự tưởng nhớ và tình nghĩa gia đình, nhưng không phải là những vật phẩm cần thiết để nuôi dưỡng linh hồn người đã khuất. Đối với người Công giáo, việc tưởng nhớ tổ tiên được đặt trong niềm tin vào sự sống đời sau và mầu nhiệm Các Thánh Thông Công, nhờ đó lòng hiếu kính không dừng lại ở hình thức nghi lễ, mà còn được thể hiện qua việc cầu nguyện cho những người đã qua đời.

Sự phân biệt này giúp làm sáng tỏ ý nghĩa của những lễ vật được đặt trên bàn thờ gia tiên. Hoa, hương, đèn nến và bánh trái có thể là những biểu tượng của lòng tưởng nhớ và kính trọng, nhưng không nên được hiểu như những vật phẩm cần thiết để nuôi dưỡng người đã khuất.

4. Những cử chỉ, lễ vật và lời kính cáo trong lễ gia tiên

Để hiểu đúng lễ gia tiên, cần phân biệt giữa hình thức bên ngoài của nghi thức với ý nghĩa mà người thực hiện muốn diễn tả. Trong phong tục Việt Nam, những cử chỉ như thắp hương, cúi đầu, vái lạy hoặc dâng lễ vật trước bàn thờ tổ tiên có thể được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Tuy nhiên, cùng một cử chỉ không phải lúc nào cũng mang cùng một nội dung, bởi ý nghĩa của nó còn tùy thuộc vào truyền thống gia đình, nội dung lời khấn và niềm tin của người tham dự.

Trước hết, việc thắp hương thường được xem là một biểu hiện của lòng thành kính và sự tưởng nhớ. Nén hương được thắp lên trước bàn thờ

gia tiên có thể giúp người thực hiện hướng lòng về những người đã khuất, nhắc nhở công đức sinh thành và bày tỏ sự trân trọng đối với nguồn cội. Đối với người Công giáo, việc thắp hương có thể được thực hiện như một cử chỉ văn hóa đạo hiểu, miễn là không gắn với ý nghĩa thờ phượng tổ tiên như thần linh.

Tương tự, những cử chỉ cúi đầu, vái hoặc lạy cũng cần được hiểu trong bối cảnh văn hóa Việt Nam. Trong truyền thống ứng xử của người Việt, lạy không chỉ xuất hiện trong nghi thức tôn giáo, mà còn được sử dụng để biểu thị sự kính trọng sâu xa đối với cha mẹ, ông bà và những bậc đáng kính. Vì thế, không thể chỉ căn cứ vào hình thức cúi lạy mà kết luận ngay rằng người thực hiện đang thờ phượng đối tượng được kính lễ. Điều cần được phân định là người ấy đang bày tỏ lòng hiếu kính hay đang thực hiện một hành vi mang ý nghĩa thần phục tôn giáo.

Đối với những lễ vật như hoa, quả, bánh trái và đèn nến, ý nghĩa của chúng cũng cần được giải thích rõ ràng. Trong phạm vi đạo hiểu, những vật phẩm ấy có thể là dấu chỉ của lòng thành, tương tự như việc con cháu dâng tặng cha mẹ những món quà trong các dịp lễ trọng. Tuy nhiên, theo đức tin Công giáo, không thể hiểu việc đặt thức ăn trên bàn thờ gia tiên như một hành vi cung cấp lương thực vật chất cho người đã qua đời. Chính vì vậy, Văn kiện năm 2025 nhấn mạnh giá trị của lời cầu nguyện và những việc lành phúc đức hơn là giá trị vật chất của lễ vật.

Một thành phần khác cần được quan tâm là lời kính cáo. Trong hôn lễ truyền thống, gia đình có thể đọc những lời thưa trình trước bàn thờ tổ tiên để thông báo việc thành hôn của con cháu. Nếu nội dung lời kính cáo nhằm tưởng nhớ công đức tổ tiên, bày tỏ lòng biết ơn và giới thiệu đôi tân hôn trước gia đình, thì hành vi ấy có thể được hiểu trong phạm vi văn hóa đạo hiểu. Ngược lại, nếu lời khấn mang nội dung cầu xin tổ tiên như những thần linh có quyền năng quyết định vận mệnh, ban phúc hoặc giáng họa, thì nghi thức đã mang thêm những yếu tố tín ngưỡng cần được phân định theo đức tin Công giáo.

Vì thế, việc tổ chức lễ gia tiên trong gia đình Công giáo không chỉ là vấn đề có thắp hương, có lễ vật hoặc có cúi lạy hay không, mà còn là vấn đề những cử chỉ ấy được thực hiện với ý nghĩa nào. Một nghi thức được

chuẩn bị chu đáo cần giúp người tham dự hiểu rằng đối tượng của lòng hiếu kính là tổ tiên, còn đối tượng của sự thờ phượng tuyệt đối là Thiên Chúa. Chính sự phân biệt ấy cho phép gìn giữ những biểu hiện tốt đẹp của truyền thống mà không làm lu mờ nội dung đức tin.

5. Lễ gia tiên và bí tích Hôn phối

Trong đời sống hôn nhân của người Công giáo Việt Nam, lễ gia tiên và bí tích Hôn phối có mối liên hệ gần gũi về phương diện gia đình và đạo hiếu, nhưng khác nhau về bản chất, ý nghĩa và giá trị tôn giáo. Nếu lễ gia tiên là nghi thức văn hóa truyền thống nhằm bày tỏ lòng biết ơn đối với tổ tiên, cha mẹ và những người đã góp phần trao truyền sự sống, thì bí tích Hôn phối là giao ước hôn nhân giữa hai người đã lãnh nhận bí tích Rửa tội, được Đức Kitô nâng lên hàng bí tích, qua đó đôi vợ chồng đón nhận ân sủng để sống tình yêu chung thủy, bất khả phân ly và hướng đến thiện ích của nhau cũng như việc sinh sản, giáo dục con cái.

Sự phân biệt ấy cần được làm sáng tỏ, bởi trong thực tế, lễ gia tiên đôi khi được xem như một nghi thức không thể thiếu để đôi nam nữ chính thức ra mắt gia đình và dòng họ. Quan niệm này phản ánh vị trí quan trọng của gia đình trong văn hóa truyền thống, nhưng không thể dùng làm căn cứ để xác định hiệu lực của bí tích Hôn phối trong Giáo hội Công giáo.

Theo giáo luật, hôn nhân được thiết lập bởi sự ưng thuận tự do và hợp pháp của đôi bên; đối với những người Công giáo thuộc diện phải tuân giữ thể thức giáo luật, sự ưng thuận ấy phải được bày tỏ theo thể thức Giáo hội quy định, trừ trường hợp được miễn chuẩn hợp lệ. Vì vậy, lễ gia tiên không phải là yếu tố làm phát sinh bí tích Hôn phối và cũng không thể thay thế việc cử hành hôn nhân theo quy định của Giáo hội.

Cũng cần lưu ý rằng không phải mọi cuộc hôn nhân có một bên là người Công giáo đều đương nhiên là hôn nhân bí tích. Theo giáo lý Công giáo, hôn nhân thành sự giữa hai người đã được Rửa tội là bí tích; còn trường hợp một người Công giáo kết hôn với người chưa được Rửa tội cần được xem xét theo những quy định riêng của giáo luật, đặc biệt là vấn đề miễn chuẩn ngăn trở khác đạo. Sự phân biệt này cần được duy trì để tránh đồng nhất việc cử hành hôn nhân theo thể thức Công giáo với bản

chất bí tích của mọi cuộc hôn nhân.

Tuy nhiên, việc phân biệt bản chất của lễ gia tiên và bí tích Hôn phối không có nghĩa là đặt chúng trong thế đối lập. Trái lại, nếu được thực hiện đúng ý nghĩa, lễ gia tiên có thể góp phần làm phong phú chiều kích văn hóa và đạo đức của đời sống hôn nhân Công giáo. Khi đôi tân hôn đến trước bàn thờ gia tiên, họ được nhắc nhở rằng tình yêu và cuộc sống của mình không xuất hiện một cách biệt lập, nhưng được hình thành trong lịch sử của một gia đình, nơi có công lao sinh thành, dưỡng dục và những hy sinh âm thầm của nhiều thế hệ.

Sự phân biệt này có nền tảng trong *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*. Số 1601 xác định hôn nhân là giao ước, qua đó một người nam và một người nữ thiết lập giữa họ một sự hiệp thông trọn đời, tự bản tính hướng đến thiện ích của đôi phối ngẫu cũng như việc sinh sản và giáo dục con cái. Đối với những người đã được Rửa tội, giao ước ấy được Đức Kitô nâng lên hàng bí tích. Số 1625 tiếp tục nhấn mạnh rằng những người kết hôn phải là những người tự do để kết hôn và tự nguyện bày tỏ sự ưng thuận; còn số 1626 xác định sự ưng thuận của đôi bên là yếu tố thiết yếu làm nên hôn nhân.

Như vậy, lễ gia tiên và bí tích Hôn phối thuộc hai phạm vi khác nhau. Lễ gia tiên là nghi thức văn hóa và đạo hiếu, qua đó đôi tân hôn bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ, tổ tiên và hai bên gia đình. Trong khi đó, giao ước hôn nhân được thiết lập bởi sự ưng thuận hợp pháp của đôi bên, theo những điều kiện và thể thức mà Giáo hội quy định. Vì thế, lễ gia tiên không phải là điều kiện làm phát sinh bí tích Hôn phối, cũng không thể thay thế việc cử hành hôn nhân theo giáo luật. Tuy nhiên, nếu được thực hiện phù hợp với đức tin, nghi thức này có thể góp phần làm phong phú chiều kích văn hóa và đạo đức của đời sống hôn nhân Công giáo.

Tại số 17, *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2025 nhìn nhận hôn nhân là biến cố liên kết hai gia đình và đề cập đến những nghi thức truyền thống trong tiến trình cưới hỏi, từ dạm ngõ, đính hôn đến thành hôn. Văn kiện cho thấy người Công giáo có thể tiếp nhận những yếu tố văn hóa phù hợp với đức tin, đồng thời gợi ý rằng, thay vì thực

hiện những nghi thức cúng bái tổ tiên không tương hợp với niềm tin Công giáo, đôi tân hôn và gia đình có thể cùng cầu nguyện trước bàn thờ Chúa và bàn thờ gia tiên để xin phúc lành cho đời sống hôn nhân.

Định hướng này giúp xác định rõ đối tượng và nội dung của những hành vi được thực hiện. Trước bàn thờ Chúa, đôi tân hôn dâng lời tạ ơn và cầu xin Thiên Chúa chúc lành cho giao ước hôn nhân của mình. Trước bàn thờ gia tiên, họ bày tỏ lòng tưởng nhớ, biết ơn và hiếu kính đối với những người đã khuất, đồng thời cầu nguyện cho tổ tiên trong niềm tin vào mầu nhiệm Các Thánh Thông Công. Hai hành vi ấy có thể được thực hiện trong cùng một dịp lễ, nhưng không vì thế mà trở thành đồng nhất về ý nghĩa thần học. Thiên Chúa là Đấng được thờ phượng và cầu xin; tổ tiên là những người được tưởng nhớ, tôn kính và cầu nguyện cho.

Trong những gia đình mà cả cô dâu và chú rể đều là người Công giáo, lễ gia tiên có thể được tổ chức cách đơn sơ, trang nghiêm và phù hợp với phong tục địa phương. Đôi tân hôn có thể cùng cha mẹ, họ hàng quy tụ trước bàn thờ gia tiên, thắp hương hoặc cúi đầu kính nhớ tổ tiên, dâng lời cầu nguyện cho những người đã qua đời, đồng thời bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ đang hiện diện. Những lời căn dặn và chúc phúc của cha mẹ trong dịp này không chỉ mang ý nghĩa tình cảm, mà còn nhắc nhở đôi vợ chồng về trách nhiệm sống chung thủy, yêu thương, nâng đỡ nhau và giáo dục con cái trong đời sống gia đình.

Nhìn từ phương diện văn hóa, lễ gia tiên nhắc nhở đôi tân hôn về cội nguồn và bốn phận đối với gia đình; nhìn từ phương diện đức tin, bí tích Hôn phối đặt giao ước vợ chồng trong tương quan với Đức Kitô và Hội Thánh. Hai chiều kích ấy không thay thế cho nhau, nhưng có thể gặp gỡ trong đời sống của người Công giáo Việt Nam, khi lòng hiếu kính tổ tiên được thực hành đúng với ý nghĩa đạo hiếu và khi giao ước hôn nhân được xây dựng trên nền tảng đức tin, tình yêu và trách nhiệm.

6. Lễ gia tiên trong những gia đình liên tôn

Một trong những hoàn cảnh đòi hỏi sự phân định tế nhị nhất là việc tổ chức lễ gia tiên trong những gia đình có các thành viên thuộc những tôn giáo hoặc tín ngưỡng khác nhau, đặc biệt khi một người Công giáo kết hôn với người không Công giáo. Trong trường hợp ấy, lễ gia tiên

không chỉ liên quan đến phong tục cưới hỏi, mà còn có thể trở thành nơi gặp gỡ giữa những quan niệm khác nhau về tổ tiên, đời sống sau khi chết và ý nghĩa của những hành vi kính lễ.

Tại số 22, *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2025 trực tiếp đề cập đến “Lễ Cáo Tổ hay Lễ Gia Tiên” trong những hoàn cảnh như vậy. Điều này cho thấy Giáo hội nhận thức được những khó khăn thực tế của người tín hữu khi tham dự nghi thức truyền thống tại gia đình không Công giáo của người phối ngẫu, nhất là khi nghi thức có những yếu tố tín ngưỡng hoặc tôn giáo mà người Công giáo không thể chủ động thực hiện theo lương tâm đức tin của mình.

Trong việc phân định, Văn kiện không chỉ quan tâm đến hình thức bên ngoài của nghi lễ, mà còn chú ý đến nội dung, ý nghĩa và hoàn cảnh thực hiện. Tại số 14, Văn kiện phân biệt giữa những cử chỉ, thái độ và nghi lễ mang ý nghĩa thuần túy văn hóa đạo hiếu với những hành vi biểu thị sự thờ phượng thụ tạo như Thiên Chúa. Đối với những hoàn cảnh không thể lựa chọn hoặc có sự mơ hồ giữa văn hóa và tín ngưỡng, Văn kiện hướng dẫn người tín hữu phân định việc tham dự thụ động cách khôn ngoan, với lương tâm ngay thẳng và lòng bác ái.

Như vậy, không thể chỉ căn cứ vào việc một nghi thức được tổ chức tại gia đình không Công giáo để kết luận rằng người Công giáo không được tham dự. Ngược lại, cũng không thể cho rằng mọi hành vi trong lễ gia tiên đều đương nhiên mang ý nghĩa văn hóa và vì thế không cần phân định. Điều quan trọng là nhận diện nội dung cụ thể của từng hành vi, đồng thời lưu tâm đến cách hiểu của gia đình và ý hướng của người tham dự.

Trong thực tế, một lễ gia tiên có thể bao gồm những cử chỉ mang ý nghĩa đạo hiếu mà cả hai bên gia đình đều có thể chia sẻ, chẳng hạn như cúi đầu tưởng nhớ tổ tiên, thắp hương với ý nghĩa kính nhớ, bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ hoặc đón nhận lời chúc phúc của những người lớn tuổi. Tuy nhiên, nếu nghi thức bao gồm những lời khấn hoặc hành vi mang nội dung thờ phượng thần linh không tương hợp với đức tin Công giáo, thì người tín hữu cần được hướng dẫn để có cách ứng xử phù hợp.

Vì vậy, việc trao đổi trước giữa đôi hôn phối, cha mẹ hai bên và những người có trách nhiệm tổ chức lễ cưới giữ một vai trò quan trọng. Sự trao đổi ấy không nhằm áp đặt quan niệm của bên này lên bên kia, nhưng giúp mọi người hiểu rằng người Công giáo vẫn có bốn phận kính nhớ tổ tiên, thảo kính cha mẹ và trân trọng gia phong, trong khi dành sự thờ phượng tuyệt đối cho một mình Thiên Chúa. Khi những ý nghĩa ấy được trình bày rõ ràng, nhiều khác biệt về nghi thức có thể được giải quyết bằng sự cảm thông và tôn trọng lẫn nhau.

Tại các số 23–24, Văn kiện tiếp tục đặt việc phân định trong những hoàn cảnh phức tạp dưới ánh sáng của tình yêu Thiên Chúa, tình yêu con người, sự quan tâm đến hoàn cảnh thực tế và việc gìn giữ sự hiệp nhất trong tình bác ái. Những nguyên tắc này nhắc nhở rằng việc trung thành với đức tin không được tách rời khỏi thái độ tôn trọng con người, nhất là đối với cha mẹ và những người thân trong gia đình.

Trong những hoàn cảnh ấy, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* cũng cung cấp những nguyên tắc quan trọng để phân định. Các số 1633–1637 đề cập đến những khó khăn và trách nhiệm phát sinh trong hôn nhân khác biệt về tôn giáo, đồng thời nhấn mạnh nhu cầu tôn trọng lẫn nhau, trung thành với đức tin và gìn giữ sự hiệp nhất trong đời sống hôn nhân. Đặc biệt, số 1634 nhìn nhận rằng sự khác biệt về niềm tin giữa hai người phối ngẫu có thể trở thành nguồn căng thẳng nếu không được đối diện bằng sự cảm thông và ý thức trách nhiệm.

Bởi vậy, việc chuẩn bị lễ gia tiên trong gia đình liên tôn không chỉ là vấn đề sắp xếp nghi thức, mà còn là cơ hội để đôi hôn phối và hai bên gia đình trao đổi về ý nghĩa của những cử chỉ truyền thống. Người Công giáo có thể bày tỏ lòng hiếu kính đối với tổ tiên và sự kính trọng đối với cha mẹ của người phối ngẫu, nhưng cần phân biệt những hành vi ấy với việc thờ phượng thần linh. Đồng thời, sự trung thành với đức tin phải được thực hiện trong tinh thần bác ái, tránh những thái độ hoặc cách diễn đạt khiến người thân hiểu lầm rằng việc giữ đạo đồng nghĩa với việc phủ nhận công đức tổ tiên hay xem nhẹ truyền thống gia đình.

Do đó, trong những cuộc hôn nhân khác đạo, lễ gia tiên có thể trở thành một cơ hội thuận lợi để hai gia đình hiểu nhau hơn, nếu nghi thức được

chuẩn bị với sự thận trọng và thiện chí. Việc gìn giữ những cử chỉ hiếu kính chung không chỉ giúp đôi tân hôn thực hiện bốn phận đối với tổ tiên, cha mẹ, mà còn góp phần xây dựng sự hòa hợp giữa hai gia đình, tạo nên nền tảng tình cảm cần thiết cho đời sống hôn nhân về sau.

Từ đó, có thể nhận thấy giá trị sâu xa của lễ gia tiên không nằm ở sự cầu kỳ của hình thức, mà ở khả năng giúp con người nhận ra mối liên hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai của gia đình. Khi đôi tân hôn kính nhớ tổ tiên, họ không chỉ hướng lòng về những người đã qua đời, mà còn ý thức rằng gia đình mới của mình được xây dựng trên nền tảng công đức sinh thành và sự hy sinh của nhiều thế hệ.

Đối với người Công giáo Việt Nam, lễ gia tiên, khi được thực hiện trong phạm vi đạo hiếu, không đối lập với đức tin Công giáo, nhưng có thể trở thành một biểu hiện cụ thể của lòng thảo kính cha mẹ và sự tưởng nhớ tổ tiên. Trong ý nghĩa ấy, việc kính nhớ gia tiên thuộc phạm trù đạo hiếu, còn sự thờ phượng tuyệt đối thuộc về một mình Thiên Chúa. Phân biệt đúng hai phạm trù ấy chính là điều kiện cần thiết để người Công giáo vừa gìn giữ được những giá trị tốt đẹp của truyền thống gia đình Việt Nam, vừa sống trung thành với đức tin của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Văn hóa và Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, công bố tại Đà Lạt, ngày 7.10.2025, đặc biệt các số 3, 14–15, 17 và 22–24.
2. Hội Thánh Công giáo, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, các số 958, 1032, 1601, 1625–1626, 1633–1637, 2096–2097, 2112–2114, 2199, 2214–2215.
3. Nguyễn Hạnh, *Từ Hiếu Kinh đến Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Đồng Nai, 2024, thiên Kỷ hiếu hành (紀孝行), chương 10; thiên Tang thân (喪親), chương 18.
4. Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam, *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông Bà Tổ Tiên*, năm 1974, đặc biệt quy định liên quan đến Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên trong hôn lễ.